

CƠ SỞ LÝ LUẬN KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

1. Kế toán vốn bằng tiền

1.1. Tổng quan về kế toán vốn bằng tiền

1.1.1. Vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động trong doanh nghiệp tồn tại dưới hình thái tiền tệ, có tính thanh khoản cao nhất, bao gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ở các ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và các khoản tiền đang chuyển. Với tính lưu hoạt cao – vốn bằng tiền được dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp, thực hiện việc mua sắm hoặc chi phí.

1.1.1.1. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền

Kế toán phải mở sổ kế toán ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh ở các khoản thu, chi, xuất, nhập tiền, ngoại tệ và tính ra số tồn tại quỹ của từng tài khoản ở Ngân hàng tại mọi thời điểm để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân khác ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như tiền của doanh nghiệp.

Khi thu, chi phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký theo quy định của chế độ chứng từ kế toán.

Kế toán phải theo dõi chi tiết tiền theo ngoại tệ. Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc:

- + Bên nợ các khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế.
- + Bên có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế.

1.1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

- Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm,

thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền.

- Kiểm tra thường xuyên tình hình thực hiện chế độ sử dụng và quản lý vốn bằng tiền, kỉ luật thanh toán, kỉ luật tín dụng. Phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.

- Hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ. Kiểm tra thường xuyên, đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kế toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất.

1.2. Kế toán tiền mặt tại quỹ

1.2.1. Nội dung

Tiền mặt là số vốn bằng tiền do thủ quỹ bảo quản tại quỹ (kết) của doanh nghiệp bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, tiền tệ, tín phiếu ngân phiếu.

Nguyên tắc hạch toán:

- Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại quỹ doanh nghiệp bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ và vàng tiền tệ.

- Các khoản tiền mặt do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài sản bằng tiền của doanh nghiệp.

- Khi tiến hành nhập, xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và có đủ chữ ký của người nhận, người giao, người có thẩm quyền cho phép nhập, xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán.

- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ kế toán quỹ tiền mặt, ghi chép hàng ngày liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, xuất, nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.

- Vàng tiền tệ được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng

tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng vàng tiền tệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.2.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu.
- Phiếu chi.
- Bảng kê vàng tiền tệ, biên bản kiểm kê quỹ.

Ngoài ra còn có một số giấy tờ liên quan khác như: giấy đề nghị thu, giấy đề nghị chi, bảng thanh toán tiền tạm ứng, giấy đề nghị tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán, biên bản kiểm kê.

1.2.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 111: “Tiền mặt”

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 111 - Tiền mặt

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ nhập quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo.

Bên Có:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ xuất quỹ.
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ thiếu hụt quỹ phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo.

Số dư bên Nợ:

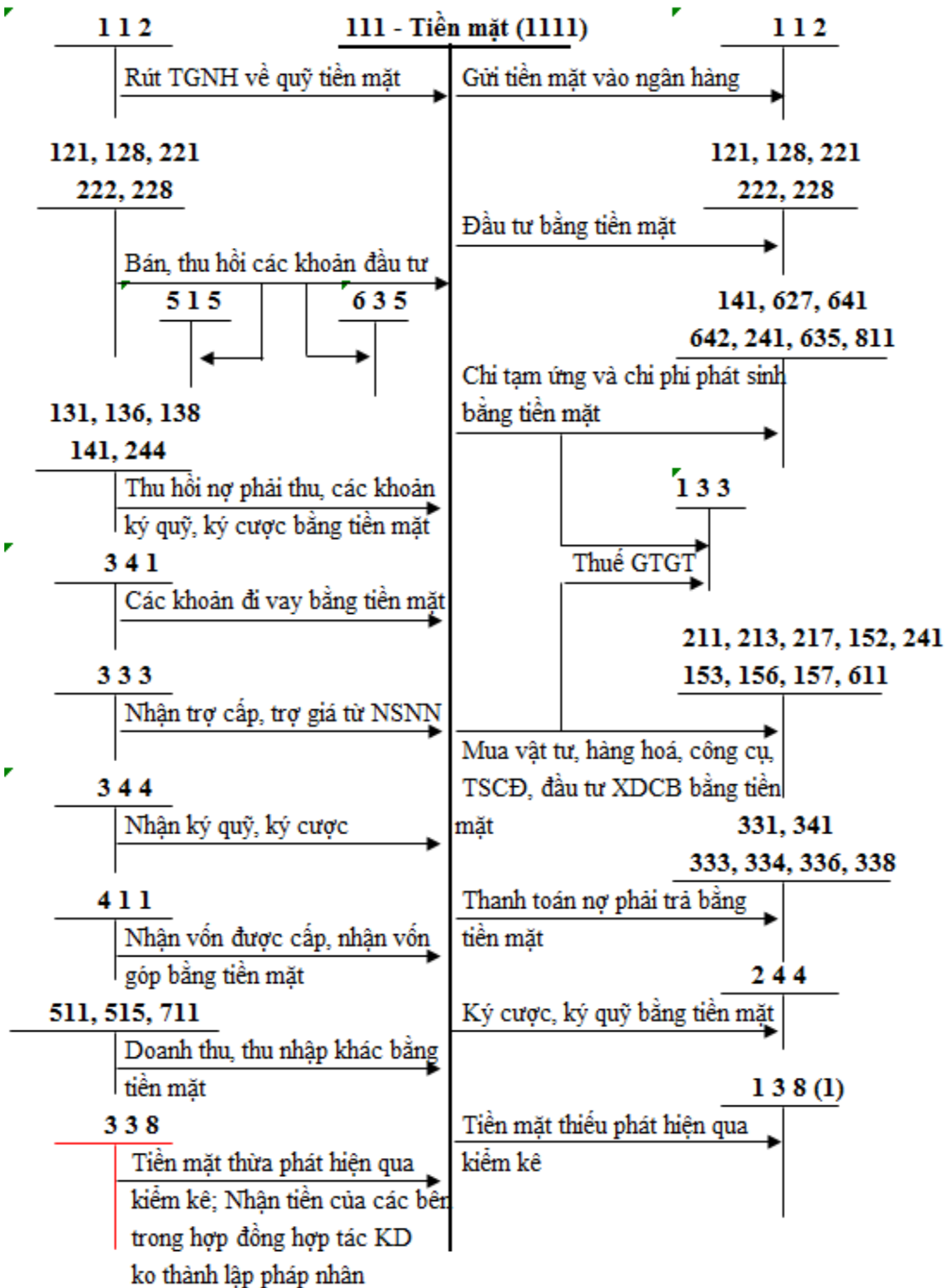
Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng tiền tệ còn tồn quỹ tiền mặt tại thời điểm báo cáo.

Tài khoản 111 - Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1111 - Tiền Việt Nam.
- Tài khoản 1112 - Ngoại tệ
- Tài khoản 1113 - Vàng tiền tệ.

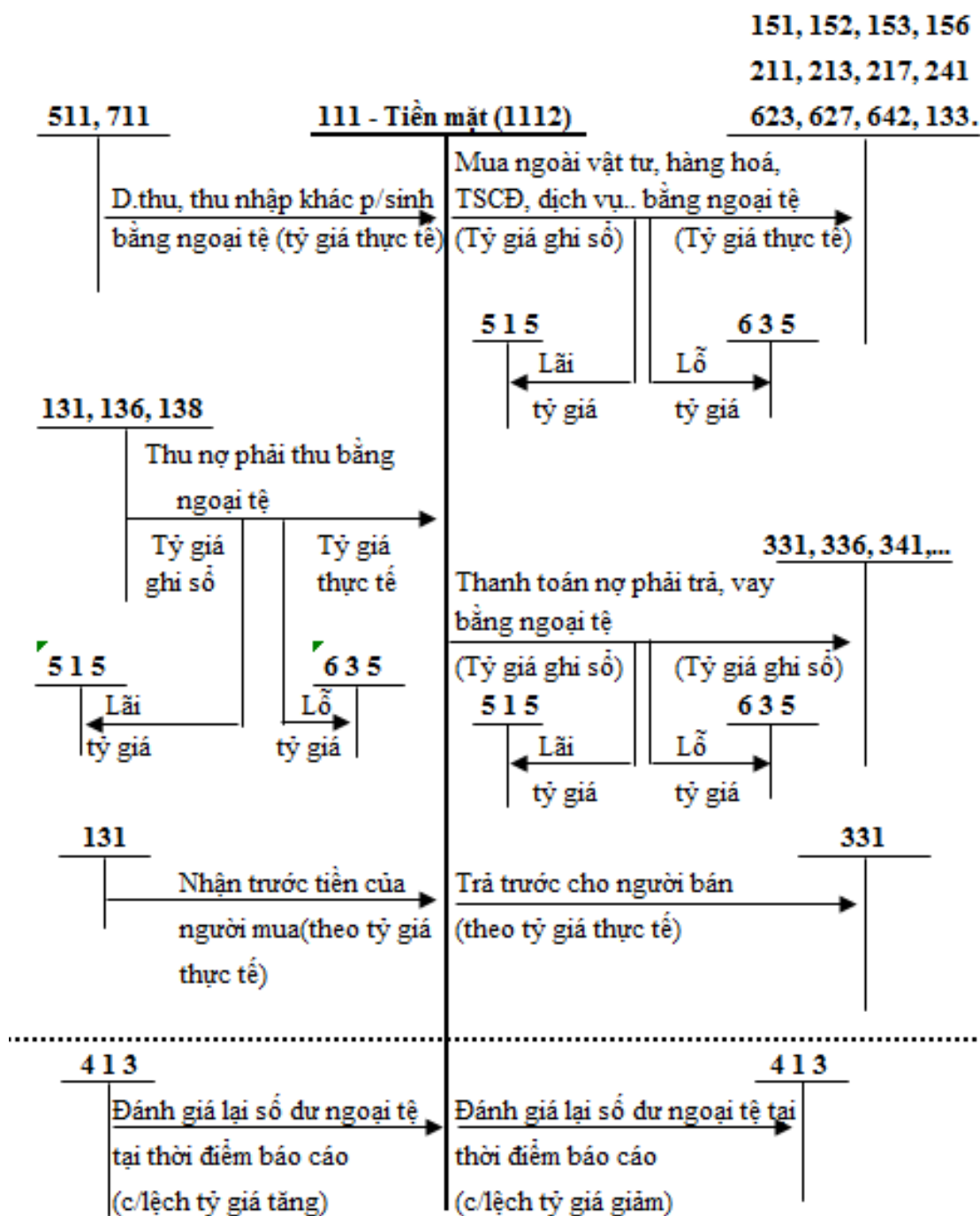
1.2. 4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán tiền mặt là tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.1: Phương pháp hạch toán tiền mặt là tiền Việt Nam

Phương pháp hạch toán tiền mặt là ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 1.2



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán tiền mặt

Sơ đồ 1.2: Phương pháp hạch toán tiền mặt là ngoại tệ

1. 2.5. Sổ sách sử dụng

Tùy theo hình thức kế toán:

- Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung thì sổ sách sử dụng bao gồm: Sổ nhật ký chung; Sổ cái 111; Sổ quỹ tiền mặt;

- Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán là nhật ký – Sổ cái thì sổ sách sử dụng bao gồm: Sổ nhật ký – Sổ cái; Sổ quỹ tiền mặt.

- Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ thì sổ sách sử dụng bao gồm: Chứng từ ghi sổ; Sổ cái 111; Sổ quỹ tiền mặt; ...

- Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán là nhật ký- chứng từ thì sổ sách sử dụng bao gồm: Sổ nhật ký- chứng từ; Bảng kê; Sổ cái 111; Sổ quỹ tiền mặt;...

1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng

1.3.1. Nội dung

Tiền gửi ngân hàng là các khoản tiền tạm thời nhàn rỗi của doanh nghiệp đang gửi tại ngân hàng hoặc kho bạc hay công ty tài chính.

Tiền gửi ngân hàng của công ty phần lớn được gửi tại ngân hàng để thực hiện phương thức thanh toán không dùng tiền mặt và an toàn, tiện dụng.

Nguyên tắc hạch toán:

- Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng của doanh nghiệp. Căn cứ để hạch toán trên tài khoản 112 “tiền gửi Ngân hàng” là các giấy báo Có, báo Nợ hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc (ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyển khoản, séc bảo chi,...).

- Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

- Vàng tiền tệ được phản ánh trong tài khoản này là vàng được sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn

kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hoá để bán. Việc quản lý và sử dụng vàng tiền tệ phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.3.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ
- Giấy báo có.
- Bảng sao kê ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc như ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc,... để ghi chép vào các sổ kế toán liên quan.

1.3.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản: 112 – “Tiền gửi ngân hàng”

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ gửi vào Ngân hàng.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tại thời điểm báo cáo (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ tăng tại thời điểm báo cáo

Bên Có:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ rút ra từ Ngân hàng.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).
- Chênh lệch đánh giá lại vàng tiền tệ giảm tại thời điểm báo cáo

Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng tiền tệ hiện còn gửi tại Ngân hàng tại thời điểm báo cáo.

Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, có 3 tài khoản cấp 2:

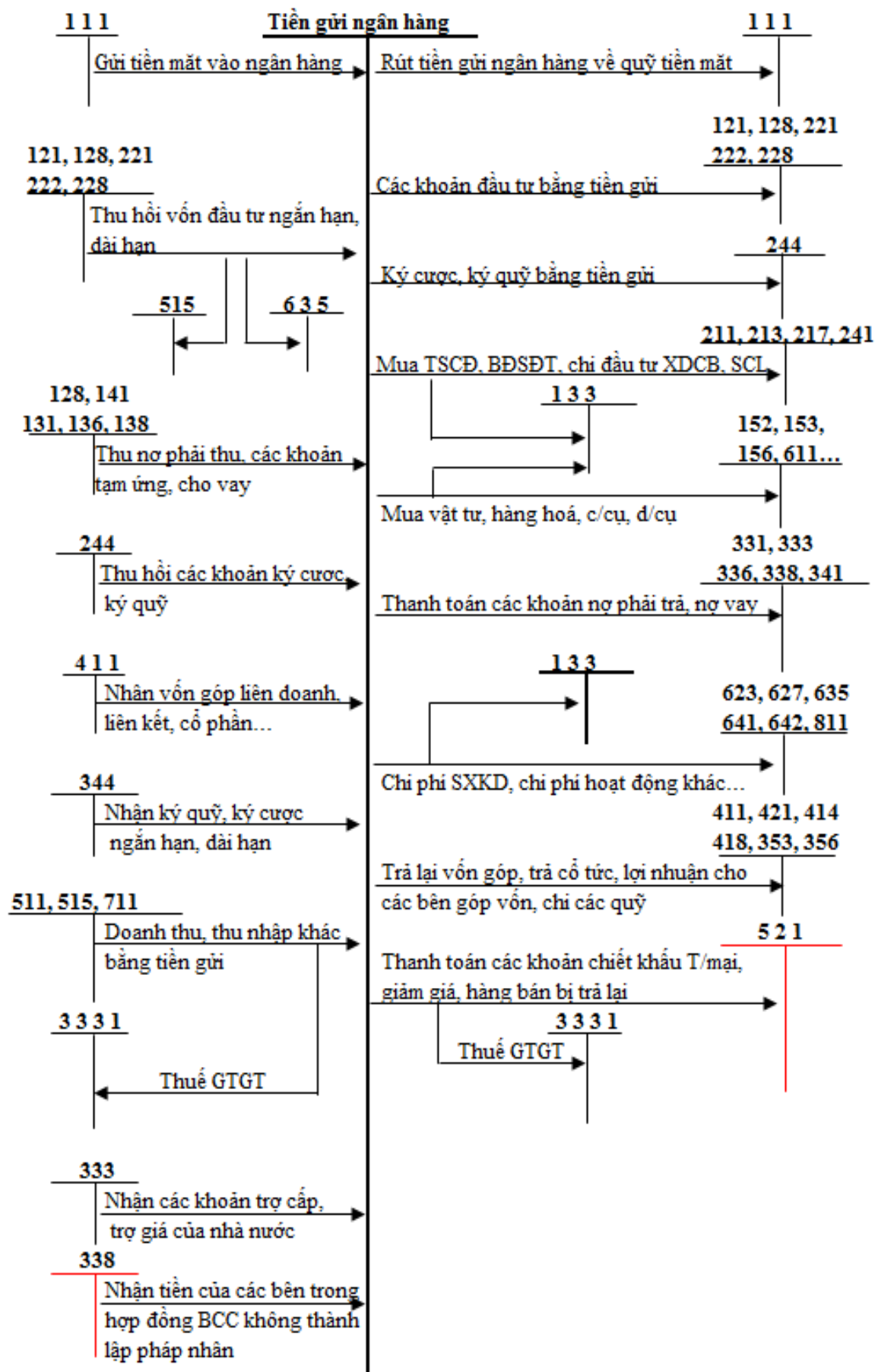
- *Tài khoản 1121 - Tiền Việt Nam*

- *Tài khoản 1122 - Ngoại tệ*
- *Tài khoản 1123 - Vàng tiền tệ*

1.3.4. Phương pháp hạch toán

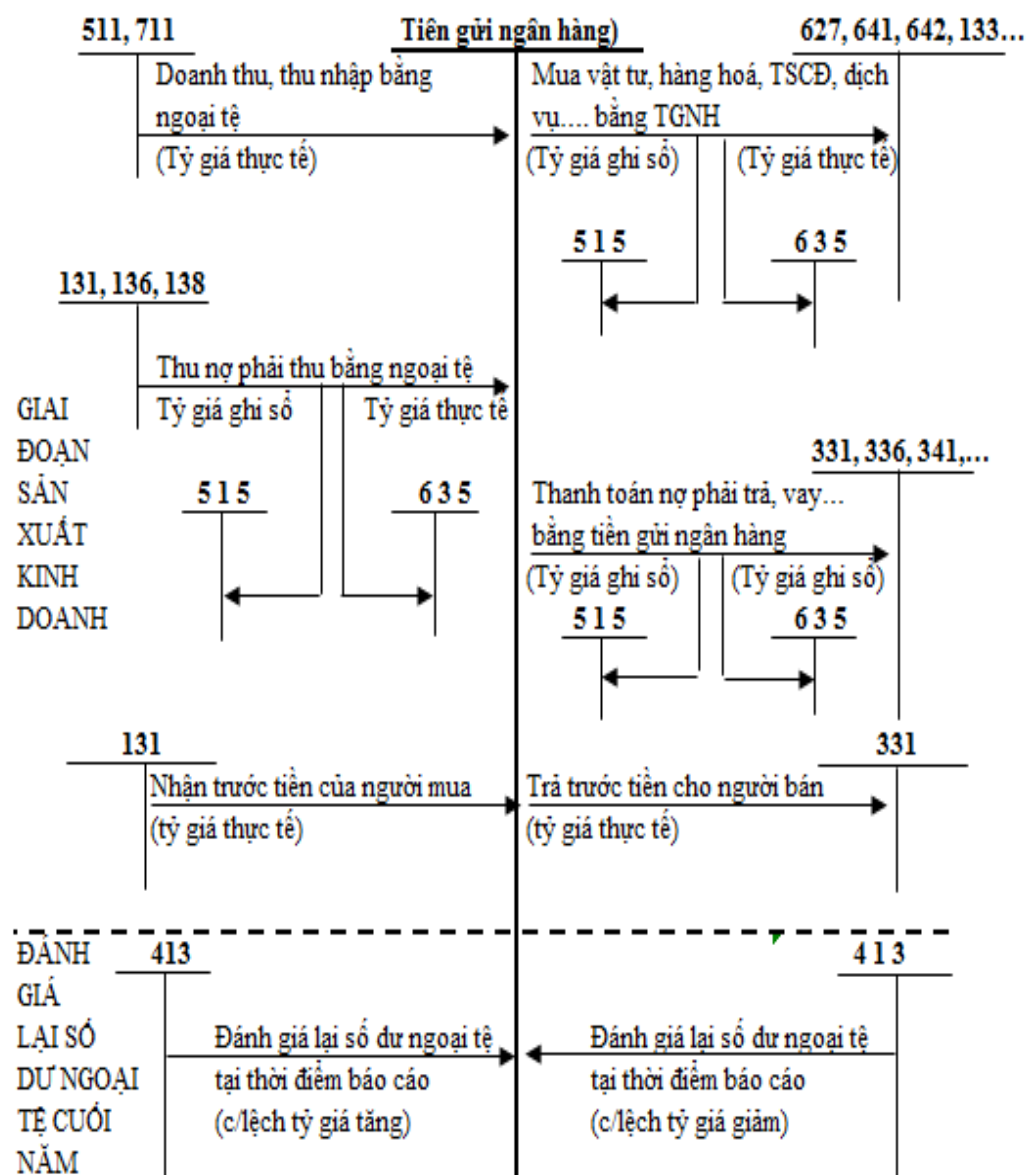
Phương pháp hạch toán tiền gửi ngân hàng là tiền Việt Nam được thể hiện ở sơ đồ 1.3

1 1 2 (1)



Phương pháp hạch toán TGNH là ngoại tệ được thể hiện ở sơ đồ 1.4

Sơ đồ 1.3: Phương pháp hạch toán tiền gửi ngân hàng là đồng Việt Nam



Sơ đồ 1.4: Phương pháp hạch toán tiền mặt là ngoại tệ

1.3.5. Sổ sách sử dụng

Tùy theo hình thức kế toán:

- Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung thì sổ sách sử

dụng bao gồm: Sổ nhật ký chung; Sổ cái 112; Sổ tiền gửi ngân hàng;

- Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán là nhật ký – Sổ cái thì sổ sách sử dụng bao gồm: Sổ nhật ký – Sổ cái; Sổ tiền gửi ngân hàng.

- Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ thì sổ sách sử dụng bao gồm: Chứng từ ghi sổ; Sổ cái 112; Sổ tiền gửi ngân hàng.

- Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán là nhật ký- chứng từ thì sổ sách sử dụng bao gồm: Sổ nhật ký- chứng từ; Bảng kê; Sổ cái 112; Sổ tiền gửi ngân hàng;...

1.4. Tiền đang chuyển

1.4.1. Nội dung

Tiền đang chuyển: Là các khoản tiền mà doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc hoặc đã chuyển qua bưu điện để chuyển cho ngân hàng hay người được hưởng và đã làm thủ tục chuyển từ tài khoản tiền gửi ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo có và bảng sao kê của ngân hàng.

Nguyên tắc hạch toán:

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, đã trả cho doanh nghiệp khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho doanh nghiệp khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền Việt Nam và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào Ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho doanh nghiệp khác.
- Thu tiền bán hàng chuyển thẳng vào Kho bạc để nộp thuế (giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp với người mua hàng và Kho bạc Nhà nước).

1.4.2. Chứng từ sử dụng

Giấy báo nộp tiền, bảng kê, giấy báo nợ, giấy báo có, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi.

1.4.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 113 – “Tiền đang chuyển”

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có;

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ là tiền đang chuyển tại thời điểm báo cáo.

Bên Có:

- Số tiền kết chuyển vào tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan;

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ là tiền đang chuyển tại thời điểm báo cáo.

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền còn đang chuyển tại thời điểm báo cáo.

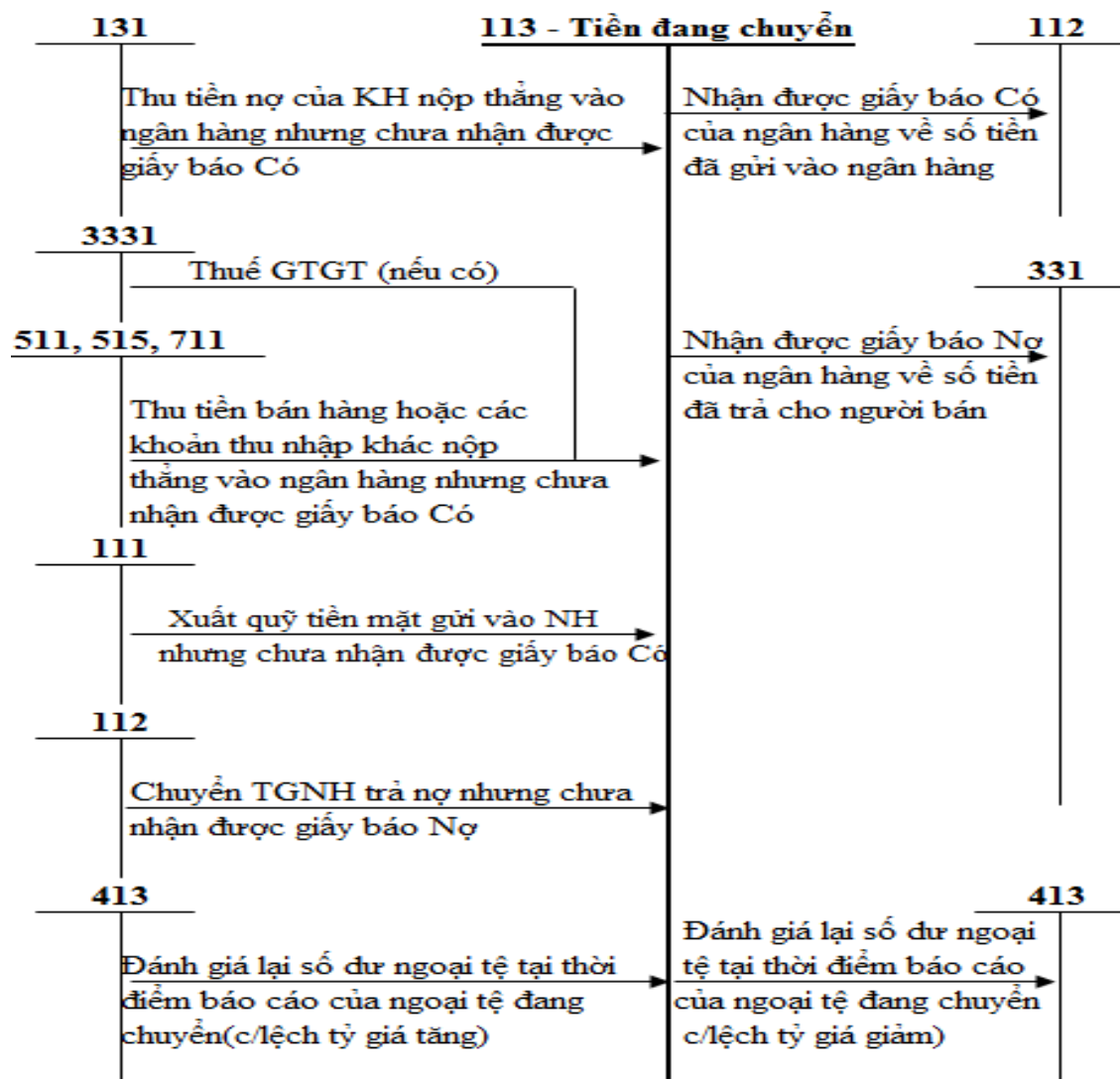
Tài khoản 113 - Tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1131 - Tiền Việt Nam*

- *Tài khoản 1132 - Ngoại tệ*

1.4.4. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán tiền đang chuyển được thể hiện ở sơ đồ 1.5.



Sơ đồ 1.5: Phương pháp hạch toán tiền đang chuyển

1.4.5. Sổ sách sử dụng

Tùy theo hình thức kế toán:

- Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung thì sổ sách sử dụng bao gồm: Sổ nhật ký chung; Sổ cái 113; Sổ tiền đang chuyển.
- Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán là nhật ký – Sổ cái thì sổ sách sử dụng bao gồm: Sổ nhật ký – Sổ cái; Sổ tiền đang chuyển.
- Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ thì sổ sách

sử dụng bao gồm: Chứng từ ghi sổ; Sổ cái 113; Sổ tiền đang chuyển; ...

- Nếu doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán là nhật ký- chứng từ thì sổ sách sử dụng bao gồm: Sổ nhật ký- chứng từ; Bảng kê; Sổ cái 113.....

XEM THÊM: 8 MẪU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

<https://baocaothuctap.net/de-cuong-ke-toan-von-bang-tien/>

DOWNLOAD 6 BÀI MẪU KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

<https://baocaothuctap.net/bai-mau-bao-cao-thuc-tap-ke-toan-von-bang-tien/>

XEM TẢI 8 LỜI MỞ ĐẦU KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

<https://baocaothuctap.net/loi-mo-dau-ke-toan-von-bang-tien/>

Xem giá dịch vụ ==> Viết thuê báo cáo thực tập trọn gói

<https://baocaothuctap.net/>

*Trên đây là một số nội dung mẫu **Cơ Sở Lý Luận về Kế Toán Vốn Bằng Tiền**, mình làm sơ lược để cho các bạn có thể tham khảo nếu bạn nào có nhu cầu làm đề tài báo cáo tốt nghiệp, các bạn có thể liên hệ **Nhận viết thuê báo cáo tốt nghiệp** với mình qua*

<https://zalo.me/0909232620>

